

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 132/2019/HSPT.

Ngày: 11/6/2019.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thắng

Bà Lê Thu Hương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lan – Kiểm sát viên

Ngày 11/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 80/2019/HSPT ngày 28/3/2019 đối với bị cáo: Đỗ Thị T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 22/02/2019 của TAND huyện H, Thanh Hóa.

Bị cáo kháng cáo:

Đỗ Thị T - Sinh năm 1961.

ĐKNKTT: Thôn Minh Hùng, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ học vấn: 10/10; Con ông: Đỗ Huy N con bà Nguyễn Thị N1 (Đều đã chết); Chồng Hoàng Văn P. Có 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Nhỏ được bố mẹ nuôi ăn học hết phổ thông, sau đó học nghề y và công tác tại Trung tâm y tế huyện H, đến tuổi nghỉ chế độ tại địa phương. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Thị T và Vũ Văn M sinh năm 1972 sinh trú quán tại Đường 7, xã Hà L, huyện Hà Tr, tỉnh Thanh Hóa, có quen biết nhau từ trước. Mặc dù không có chức

năng trong việc tuyển dụng cán bộ công chức. Nhưng để có tiền chi tiêu cá nhân, nên đầu năm 2016, Đỗ Thị T gọi điện cho anh M nói “Con nhà em ra trường chưa, chị đang có xuất vào Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa làm việc” ý nói nếu học xong T xin việc giúp cho con gái anh M, anh M trả lời “con em chưa ra trường, em có người quen là chị Lê Thị H, sinh năm 1965 ở Phố C, thị trấn V, huyện T có con gái là Bùi Thị H sinh năm 1991, đã tốt nghiệp khoa xã hội học, trường Đại học Khoa học và nhân văn Thành Phố Hồ Chí Minh, chưa xin được việc chị giúp cho con bạn em với” và cho Đỗ Thị T số điện thoại của chị Lê Thị H để hai bên trao đổi với nhau. Sau thời gian Đỗ Thị T và chị Lê Thị H trao đổi với nhau và thống nhất T sẽ xin việc cho con gái chị Hoa là Bùi Thị H vào làm văn thư của Sở Y Tế Thanh Hóa với tổng chi phí là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Khoảng tháng 4 năm 2016 T và chị H hẹn gặp nhau tại một quán nước khu vực Quán dộc, thuộc xã Triệu Lộc, huyện H, chị H đã đưa cho T số tiền 50.000.000đ. có viết giấy nhận tiền và hứa sau một tháng sẽ có quyết định đi làm. Khoảng một tháng sau Đỗ Thị T gọi điện cho chị H yêu cầu chuẩn bị thêm 20.000.000đ, để xin làm thêm quản lý dụng cụ y tế tăng thêm thu nhập. Ngày 17/5/2016 T và chị H hẹn gặp nhau tại Q, thuộc xã Tr, huyện H chị Hoa đưa cho T 20.000.000đ. Sau đó T lại gọi điện yêu cầu chị Hoa đưa thêm 10.000.000đ để đưa cho sở nội vụ Thanh Hóa. Ngày 09/6/2016 cũng tại Quán Dộc chị Hoa đưa cho T 10.000.000đ. Tổng ba lần chị Hoa đã đưa cho T 80.000.000đ. Chờ mãi không thấy con gái được đi làm chị Hoa tìm hiểu thì được biết Sở y tế Thanh Hóa không có nhu cầu tuyển công chức, nên chị Hoa đã nhiều lần đòi lại tiền nhưng T không trả.

Quá trình điều tra còn đủ cơ sở xác định vào ngày 19/10/2009 Đỗ Thị T đã nhận của ông Nguyễn Văn Cảnh, sinh năm 1963, thôn 2, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa số tiền 70.000.000đ để xin việc cho con gái ông Cảnh vào làm việc tại Bệnh viện Đa khoa huyện H. Nhưng không xin được việc T đã sử dụng số tiền trên cho việc chi tiêu cá nhân.

Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện trả lại cho chị Lê Thị H số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và trả lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền 70.000.000đ(bảy mươi triệu

đồng). Chị H và ông C không yêu cầu bồi thường thêm bất cứ khoản gì và có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Đỗ Thị T.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 22/02/2019 của TAND huyện H, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ: Điểm e khoản 2 Điều 139; Điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí và Lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thị T 04 năm 06 tháng (Bốn năm sáu tháng) tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 26/02/2019, Đỗ Thị T có đơn kháng cáo đề nghị tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như đơn đã trình bày.
- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo từ 12 - 18 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Mặc dù không có chức năng tuyển dụng cán bộ công chức, nhưng Đỗ Thị T đã dùng thủ đoạn gian dối hứa hẹn bố trí công việc cho các con bị hại tại các bệnh viện để chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Cảnh số tiền 70.000.000đ và chiếm đoạt của chị Lê Thị H số tiền 80.000.000đ. Tổng số tiền T chiếm đoạt của chị H và ông C là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an. Trong vụ án này bị cáo có tình tiết tăng nặng là

phạm tội nhiều lần, số tiền chiếm đoạt tương đối nhiều, nên án sơ thẩm xử cách ly xã hội đối với bị cáo là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, nhưng bị cáo phạm tội nhiều lần không thỏa mãn điều kiện để được hưởng án treo của pháp luật, nên không được chấp nhận.

Tuy nhiên xét bị cáo nhân thân bị cáo tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, p khoản 1,2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngoài những tình tiết giảm nhẹ án sơ thẩm đã nhận định như trên, thì xét bị cáo là phụ nữ cũng đã có tuổi, sức khỏe yếu nhiều bệnh tật, ở giai đoạn phúc thẩm các bị hại tiếp tục có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo, đây là tình tiết giảm nhẹ mới của bị cáo, nên thống nhất với quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị T, giảm cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp.

[3] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị toà không xem xét. Kháng cáo được chấp nhận một phần, nên bị cáo không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 355; Điểm c Khoản 1 Điều 357 BLTTHS.

1, Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị T. Sửa bản án sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 22/02/2019 của TAND huyện H, tỉnh Thanh Hóa về hình phạt của bị cáo.

Căn cứ: Điểm e khoản 2 Điều 139; Điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí và Lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thị T 03 (Ba) năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2, **Án phí:** Bị cáo T không phải nộp án phí HSPT.

3, Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

-VKSND tỉnh Thanh Hóa

-VKSND huyện H

-TAND huyện H

-Công an huyện H

-THADS huyện H

-Bị cáo

-Lưu hồ sơ vụ án

-Lưu VP Tòa Hình sự.

Lê Thị Dung